

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ

ÂM VANG ĐỊA DANH HÀ NỘI TRONG CA DAO

LÊ ĐỨC LUÂN
(TS, ĐH Sư phạm - ĐH Đà Nẵng)

Nghiên cứu địa danh là nghiên cứu danh xưng các vùng đất và địa bàn dân cư sinh tồn trên đất dưới gốc độ văn hoá. Địa danh được phản ánh lưu giữ trong ca dao là những địa danh văn hoá đặc sắc nhất, phổ biến nhất được mọi người qua nhiều thời đại công nhận, ghi sâu vào tiềm thức. Địa danh Hà Nội trong ca dao không chỉ là tâm hồn, bản sắc văn hoá của người Hà Nội mà còn là tâm lòng của cả nước hướng về Thủ đô. Vì vậy, văn hoá Hà Nội cũng là khu vực văn hoá điển hình cho văn hoá Việt Nam. Địa danh Hà Nội mà chúng tôi đề cập trong bài viết này là những tên gọi trong địa bàn nội thành và ngoại thành Thủ đô Hà Nội.

1. Đặc điểm địa danh Hà Nội trong ca dao

1.1. Loại địa danh Hà Nội trong ca dao

1.1.1. Địa danh hành chính

- Thành phố: Kê Chợ, Trảng An, Hà Nội, Long Thành, Thăng Long [1], Thương Kinh [2]. Đây là những tên gọi khác nhau chỉ Thủ đô Hà Nội. Trong số các tên gọi trên, có tên gọi dân gian như: Kê chợ, Trảng An, Thương Kinh; có tên gọi do các vị vua của các triều đại phong kiến Việt Nam đặt như: Thăng Long (Lý Công Uẩn tức Lý Thái Tổ đặt năm 1010), Long Thành có thể xuất hiện sau khi có tên gọi Thăng Long, Hà Nội (Triều Nguyễn đặt từ năm 1831).

- Quận, huyện: Phung Thiện, Phu Hoài (chỉ Hoài Đức), Thanh Trì, Phú Thường (chỉ Thường Tín), vùng Bưởi (huyện Vĩnh Thuận) [1]-, Đông Anh [4].

- Xã, phường: Phố Nhơn, phố Lai, Yên Thái, Làng (tên nôm của xã An Làng xưa thuộc huyện Thanh Trì), Mục (tên nôm của xã Nhân Mục thuộc huyện Thanh Trì), Cố Diên, Cố Bi (tên xã thuộc huyện Gia Lâm), Nghĩa Đô, Hàng Xá (gồm thôn Tiên và thôn Trung), trại Hàng Hoa (gồm Ngọc Hà và Hữu Tiệp) (CDHN), xóm Doài [2].

- Làng, thôn: Làng Đông (chỉ Đông Xá), Kê Cát (tên nôm của Hạ Yên Quyết và Thượng Yên Quyết), Nghè (tên nôm của Trung Nha, An Phú), làng Vọng (tên nôm của Dịch Vọng Hậu hay còn gọi là Hậu Thôn), làng Làng (tên nôm của An Làng còn gọi là Yên Làng), Canh (gồm Phương Canh và Văn Canh), Yên Mĩ, Đồng Trì, Từ Kỳ còn gọi là Kê Kỳ (tên nôm của Định Gạch), Pháp Vân (tên nôm là Kê Văn), Đại Từ, Ngọc Hà, làng Tranh (còn gọi là Chanh và Tranh Khúc), Kê Nhót (tên nôm của Đông Phù), Kê Om, Đồng Lâm (tên nôm của Kim Liên), Giang Cao, Giao Tự, làng Keo (tên nôm của Giao Tắt), Thanh Liệt (còn gọi là Quang), làng Bằng (gồm Bằng A và Bằng B), làng Chợ hay Vành Chợ (tên nôm của Phù Ninh), Kim Lũ, Thịnh Kiệt (tên nôm là làng Sét), Kê Mui (tên nôm của Yên Duyên-Mui Chợ và Khuyển Lương-Mui Chùa), Định Giang (tên nôm của Khương Hạ), Định Công (Định Công Hạ), Lũ Cầu (tên nôm của Kim Giang), làng Vọng (tên nôm của Phương Liệt), Kê Gừa (còn gọi là Gia Ruồi), làng Lê, Kê Lũ (tên nôm của Kim Lũ), Ngưu Tưu (gồm Yên Ngưu và Tưu

Lịt), Ké Mơ (tên nôm của làng Tương Mai và Hoàng Mai), làng Dam (tên nôm của Văn Uyên), làng Hoa (còn gọi là Mĩ Á), Tương Trúc, Tự Khoát, làng Vết (tên nôm của Việt Yên), Nam Dư - gọi là Nam Dư Hạ và Thương (tên nôm là Ké Dựa), Đồng Nhán, Thụy Ái (còn gọi là Thuý Linh), Sở Lô (còn gọi là Sở Thương), làng Trúc (còn gọi là Trúc Yên), Vĩnh Đồng (còn gọi là Vĩnh Ninh), Ké Bào (tên nôm của Vĩnh Thịnh), Lai Phái, Nhật Tân, làng Quang (gồm Quang Bá và Quang An), Tây Hồ, Yên Phụ, Yên Thái, làng Võng (gọi là Võng Thị), làng Thụy (còn gọi là Thụy Khê), làng Hồ (gọi là Hồ Khẩu), làng Sài (gọi là Trich Sài), làng Sở (còn gọi là Xuân Tảo Sở), Rây (tên nôm của Văn Điện), Linh Đường, Chợ Nghi (tên nôm của Nghi Tâm), Ninh Giang, làng Nhốt (tên nôm của Đông Phù), Yên Hoa, Yên Quang, Mai Dịch, Giấy (tên nôm của làng An Hoà), Vạn Long, Xóm Văn (còn gọi là làng Voi), làng Đầm (tên nôm của Tây Lưu), [1], Bát Tràng [3], Thọ Xương [4]...

1.1.2. Địa danh thiên nhiên và xã hội

- Địa danh thiên nhiên: Đây là loại địa danh phản ánh tên gọi các cấu tạo tự nhiên khu vực Hà Nội như: hồ, đồng, núi, sông, đầm, bãi... Một số địa danh phổ biến như: Hồ Tây, Đồng Trèm (TNCDDCVN), Núi Nàng [5], Hoàn Kiếm [6], sông Tô Lịch [2], Đầm Đại Từ, Nhị Hà, Bãi nghênh xuân, Đầm Sét, Sông Hồng, Hoàn Kiếm [1]...

- Địa danh xã hội chỉ tên gọi các công trình kiến trúc: Lò thành Thục Vượng [7], Cầu Giấy, Cầu Cảnh [1], Cầu Thê Húc, Chùa Ngọc Sơn, Đài Nghiêm, Tháp Bút [4], Chùa Thiên Niên, Chùa Bà Sách (còn gọi là Tào Sách), Ô Quan Chưởng, Cầu Dừa, Cầu Móng, Cầu Chân, Thanh Miếu, Bộc Am, Chùa Quan Thương, Cầu Lòn, Đinh Cố Lương, Cửa Đông, Trần vỡ, Tràng Thi, Tràng Tiền, Cầu Muồng, Cầu Giẽn [1]...

- Địa danh xã hội chỉ tên gọi hàng quán buôn bán, sản xuất sầm uất xưa của Hà Nội: Hàng Mít, Hàng Đường, Hàng Muối [2], Hàng Mát, Hàng Hoa, Hàng

Mã, Hàng Vàng [5], Hàng Gạo [7], Hàng Can, Chợ Mới [6], Chợ Đồng Xuân, Hàng Bồ, Hàng Thiếc, Hàng Cót, Hàng Than, Hàng Mắm, Hàng Đồng, Hàng Bát, Hàng Giấy, Hàng Điều, Hàng Bông, Hàng Vôi, Hàng The, Hàng Thùng, Hàng Hòm [4], Hàng Bạc, Hàng Dào, Hàng Gai, Hàng Hải, Hàng Sơn, Hàng Dòn, Hàng Khay, Hàng Bè, Hàng Tre, Hàng Thớt, Hàng Ngỗng, Hàng Ngan, Hàng Gà, Hàng Nón, Hàng Da, Hàng Giấy, Hàng Buồm, Hàng Mây, Hàng Lờ, Phố Thơ Tiên, Chợ Bưởi, Chợ Keo, Ô Hàng Đầu, Hàng Hương, Hàng Quít, Hàng Dừa, Hàng Mơ, Hàng Dưa, Hàng Mán, Hàng Hàng [1]...

1.2. Đặc điểm địa danh Hà Nội

- Một số địa danh xuất hiện nhiều trong ca dao như: Ngọc Hà, sông Tô Lịch, Đồng Anh, Chùa Quan Thương, Hoàn Kiếm, Thăng Long, Hồ Tây, Hà Nội, Ô Quan Chưởng, chợ Đồng Xuân, chợ Bưởi, Ké Bưởi, chợ Ké, Yên Thái, Đồng Trì, Ké Mơ, Yên Phụ, Láng, Giao Tụ, Làng Trúc, Tràng Tiền, Tràng Thủ, Thanh Trì.

- Ít nhất có 185 địa danh Hà Nội có mặt trong ca dao. Loại địa danh xuất hiện nhiều nhất là làng: 76 đơn vị, tiếp theo là địa danh hàng quán: 53 đơn vị.

- Phần lớn địa danh là thuần Việt. Trong số này, loại địa danh làng và hàng quán chủ yếu là tên thuần Việt. Song song với tên gọi Hán-Việt do chính quyền đặt còn tên Nôm do dân gian đặt. Có địa danh vừa sử dụng tên Hán-Việt vừa thuần Việt. Gắn một nửa trong số địa danh có trong ca dao là tên Nôm. Như vậy, tên Nôm thuần Việt là tên gọi thiêng liêng gắn trong tiềm thức của nhân dân nên xuất hiện khá nhiều trong ca dao cho dù Hà Nội là Thủ đô của các triều đại phong kiến Việt Nam và danh trấn của các triều đại phong kiến Trung Quốc xâm lược.

- Có một số từ có mà tiếng Việt hiện nay ít dùng như: "ké" trong "Ké Chợ, Ké Bưởi, Ké Mơ..." và "chợ" trong "Chợ Nghi". "Chợ" chỉ phạm vi địa danh tương ứng với làng còn "ké" chỉ một khu vực gắn với đặc trưng dân cư nghề nghiệp như: "Ké Chợ" chỉ

những người thành thị làm nghề buôn bán, sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ. Tên "Ké Chợ" có thể là tên cổ nhất chi kinh thành Thăng Long - Hà Nội. Theo Phan Huy Lê, "những công xã nông thôn cuối thời Hùng Vương sau này được gọi là làng xã, nhưng trước đó còn có những tên gọi cổ hơn như kè, cha, chiềng", [9]. Một số từ khác cũng rất cổ mà nay đã mờ nhòa như: *dăm, om, vẹt, gia, đam, nhốt, ráy, cát, lũ...*

- Phần lớn địa danh đặt theo đặc trưng nghề nghiệp, phong tục tập quán, sản vật hay địa thế vùng đất. Lấy tên mặt hàng buôn bán làm địa danh: *Hàng Bạc, Hàng Thiếc, Hàng Đường...* Lấy tên nghề đặt cho làng: "*làng Vòng*" làm nghề còm vòng, "*làng Giấy*" (An Hoà) làm nghề giấy... Lấy tên vùng đất đặt cho làng: *Đồng Lâm, Đồng Trì...*

2. Đặc trưng văn hóa qua địa danh Hà Nội

2.1. Địa danh Hà Nội gắn liền với Thủ đô ngàn năm văn hiến:

Thăng Long, Hà Nội đô thành

Nước non ai vẽ nên tranh họa đỏ

Cố đô rồi lại tân đô

Ngàn năm văn vật bảy giờ là đây

[9/Th 94; 1/10-11]

2.2. Địa danh Hà Nội gắn liền với vùng đất đô hội, với hoạt động buôn bán sầm uất, với ba mươi sáu phố phường và năm cửa ô:

- *Hà Nội ba mươi sáu phố phường*

Hàng Mát, Hàng Đường, Hàng muối trắng xoa

Thứ nhất là hội Hàng Hoa

Thứ nhì Hàng Mã, thứ ba Hàng Vàng

[9/H2; 5/552]

- *Hà Nội năm cửa chàng ơi*

Sông Lục Đầu sáu ngọn chảy xuôi thuận dòng...

[9, H5; 1/31]

2.3. Địa danh Hà Nội gắn liền với các làng nghề truyền thống danh tiếng một thời:

...Con gái kè Cót thì đi buôn xè

Con trai làng Nghè dệt cùi kéo hoa

An Phù nấu kẹo mạch nha

Làng Vòng làm còm đẽ mà tiền vua...

[9/A113; 1/102-103]

2.4. Địa danh Hà Nội gắn liền với đặc điểm sinh thái nông nghiệp nhiều sông hồ, đầm, đồng trũng:

- *Đồng Lâm có vài nêu non*

Có hồ cá rồng, có con sông bồi

[9/§98; 1/134]

- *Đồng Trì ăn ốc, ăn trai*

Yên Mĩ nước ngập mười hai năm ròng

[9/§98; 1/134]

2.5. Địa danh Hà Nội gắn liền với các món ăn đặc sản hắp dẫn:

- *Bún ngon bún mát Từ Kỳ*

Pháp Vân cua ốc đòn thì chảng ngoa

[9/B516; 1/134]

- *Thanh Trì có bánh cuốn ngon*

Có gò Ngũ Nhạc, có con sông Hồng

[9/Th94; 1/117]

2.6. Địa danh Hà Nội gắn liền với các sản vật nổi tiếng:

- *Vải Quang, hàng Láng, ngô Dẩm*

Cá rô Dẩm Sét, sâm cầm Hồ Tây

[4; 1/94]

- *Ói Quang Bá, cá Hồ Tây*

Hàng Đào tơ lụa làm say lòng người

[4]

2.7. Địa danh Hà Nội gắn liền với vùng đất phong cảnh hữu tình, nổi tiếng trai thanh gái lịch:

- *Gio đưa cảnh trúc la đà*

Tiếng chuông Trần Võ, cảnh gà Tho Xương

Mít mù khói toả ngàn sương

Nhip chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ

[9/G 123; 1/14]

- *Làng tôi phong cảnh hữu tình*

Có sông Tô Lịch uốn quanh xóm làng

Bến bờ vải, nhân hai hàng

Dưới sông cá lội tung bẩy tung tăng

[4]

- *Chảng thơm cũng thê hoa nhài*

Chẳng lịch cũng thế con người Thượng Kinh

[9. Ch 215; 2]

2.8. Địa danh Hà Nội gắn liền với nhiều công trình kiến trúc và di tích văn hóa lâu đời:

- Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ

Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn

Đền Nghiên, Tháp Bút chưa mòn

Hồi ải xây dựng nên non nước này

[4]

- Ai về xem huyền Đông Anh

Ghé xem phong cảnh Loa Thành Thực Vương

Cố Loa hình ốc khác thường

Trại bao năm tháng mờ đường cồn dày

[4]

2.9. Địa danh Hà Nội gắn liền với các lễ hội văn hóa dân gian:

- Gắn xa nô nức tung bừng

Vào chùa quan thương xem bàng đồng tiên

Lầu chuông gác trống hai bên

Trống xa chờ Mời, Tràng Tiền, Kinh Đô

[7]

- Họ Lai làm giấy sắc vua

Làng Láng mở hội kéo cờ hùng ghé

[9/A113; 1/102-103] 4.

3. Một số nhận xét bước đầu

1. Hà Nội là Thủ đô của nước Việt Nam, trung tâm văn hóa, chính trị của nhiều triều đại phong kiến, chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán, nhưng điều kì lạ là văn hóa Việt và tiếng Việt còn lưu giữ trong địa danh Hà Nội rất đậm nét, trong đó đáng chú ý là số lượng các từ cổ, tên Nôm, góp phần làm cơ sở cho sự nghiên cứu lịch sử phát triển tiếng Việt. Đây là bản sắc văn hóa của người Hà Nội trong việc sử dụng và bảo tồn tiếng Việt qua hơn 1000 năm Bắc thuộc.

2. Địa danh Hà Nội còn lưu giữ một số đặc điểm sinh thái của vùng đất xưa kia có nhiều ao hồ, đầm phá, sông ngòi, cánh đồng trũng với đất đai phì nhiêu và hệ động thực vật, đặc sản nông nghiệp

phong phú như: cá, tôm, cua, ốc, vải, nhãn, tơ tằm, mía đường, kẹo nha, bánh cuốn...

3. Địa danh Hà Nội có nhiều danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng bậc nhất cả nước, với lễ hội và phong tục tập quán thanh lịch, xứng đáng Thủ đô ngàn năm văn hiến.

4. Địa danh Hà Nội thể hiện đặc điểm của hai khu vực dân cư khác nhau: vùng nội thành đô hội sầm uất với 36 phố phường và 5 cửa ô, vùng ngoại thành với đất đai màu mỡ, cây cối xanh tươi, hoa trái phong phú cả bốn mùa.

5. Địa danh Hà Nội gắn liền với đặc điểm nghề nghiệp theo vùng dân cư. Vùng nội thành chủ yếu là buôn bán và nghề tiêu thủ công, vùng ngoại thành chủ yếu là trồng trọt, đánh bắt thuỷ sản ở sông, hồ, đầm, chế biến các món ăn và các vật dụng sinh hoạt. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Triệu Dương, Phạm Hoá, Tào Trang, Chu Hà (1972) - *Ca dao ngạn ngữ Hà Nội*, In lần thứ hai, Hội Văn nghệ Hà Nội, H.

2. Vũ Công Thành (1925) - *Nam âm sự loài*. Dẫn theo sách "Kho tàng ca dao người Việt" (KTCDNV).

3. Vũ Ngọc Phan (1978) - *Tục ngữ, ca dao dân ca Việt Nam*, In lần thứ tam, Nxb KHXH, H.

4. Nguyễn Văn Thích - *Cố Việt phong dao*. Dẫn theo sách KTCDNV.

5. Nguyễn Tân Long, Phan Canh (1970) - *Thi ca bình dân*, Tập II, Nxb Sông Mới, S.

6. Trường Viễn Đông Bác cõ - *Nam giao có kim lì hang ca dao chủ giải*. Dẫn theo sách KTCDNV.

7. Vũ Ngọc Phan, Tạ Phong Châu, Phạm Ngọc Hy (1977) - *Hợp tuyển Văn học Việt Nam*, Tập I. Văn học dân gian, Nxb Văn học, H.

8. Viện Văn học (1963) - *Ca dao Trước Cách mạng tháng Tám*, Nxb. Văn học, H.

9. Phan Huy Lê (1983) - *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, Nxb ĐH&THCN, H.

10. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (chủ biên-1995) - *Kho tàng ca dao người Việt*, Nxb VHTT, H.